

Bản án số: 275/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-8-2024

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Triều

Ông Huỳnh Trường Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4116/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: 900 Golden Wheel Park Dr, Apt 117, San Jose, CA 95112, USA.

Bị đơn: Bà Tô Quỳnh N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số 40/4F ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự đều có đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và Bản tự khai đã được chứng nhận/hợp pháp hóa lãnh sự, nguyên đơn là ông Nguyễn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Tô Quỳnh N đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39, ngày 23/5/2019, do Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Sau khi kết hôn, ông và bà Tô Quỳnh N chung sống hòa thuận, đến năm 2019 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi ngày càng trầm trọng do bất đồng về quan điểm sống và tính cách khiến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, hai bên đã sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Tô Quỳnh N.

Về con chung: Ông và bà Tô Quỳnh N có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Đăng K1 và Nguyễn Đăng K2, cùng sinh ngày 13/9/2019 (hai trẻ sinh đôi). Ông đồng ý giao cả 02 (hai) con chung cho bà Tô Quỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng, và ông cấp dưỡng nuôi con

12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng)/tháng, cụ thể mỗi trẻ 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/tháng cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông và bà Tô Quỳnh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà Tô Quỳnh N không có nợ chung.

Theo Bản tự khai, bị đơn là bà Tô Quỳnh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn T đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39, ngày 23/5/2019, do Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, đến năm 2019 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi ngày càng trầm trọng do bất đồng về quan điểm sống và tính cách dẫn đến không còn tình cảm với nhau, hai bên đã sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn T.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn T có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Đăng K1 và Nguyễn Đăng K2, cùng sinh ngày 13/9/2019 (hai trẻ sinh đôi). Bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 (hai) con chung, và bà đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con của ông Nguyễn T là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng)/tháng, cụ thể mỗi trẻ 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/tháng cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà và ông Nguyễn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Nguyễn T không có nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là ông Nguyễn T và bị đơn là bà Tô Quỳnh N đều có đề nghị xét xử vắng mặt bằng văn bản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có nhận Đơn khởi kiện về việc ly hôn của ông Nguyễn T yêu cầu xem xét, giải quyết cho ông Nguyễn T được ly hôn với bà Tô Quỳnh N. Do ông Nguyễn T đang cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông Nguyễn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn T và bị đơn bà Tô Quỳnh N đều có đề nghị xét xử vắng mặt bằng văn bản, nên căn cứ vào khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 1 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về quan hệ hôn nhân:

Giữa ông Nguyễn T và bà Tô Quỳnh N có quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào các chứng cứ mà Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thu thập được, hai bên thống nhất thuận tình ly hôn, nên có cơ sở để xác định rằng mục đích của hôn nhân giữa ông Nguyễn T và bà Tô Quỳnh N đã không đạt được. Do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T xin được ly hôn với bà Tô Quỳnh N.

Về con chung:

Căn cứ vào Bản sao Trích lục khai sinh số 220/TLKS-BS ngày 13/11/2019 của trẻ Nguyễn Đăng K1 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp, và Bản sao Trích lục khai sinh số 221/TLKS-BS ngày 13/11/2019 của trẻ Nguyễn Đăng K2 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp, xác định trẻ Nguyễn Đăng K1 và trẻ Nguyễn Đăng K2, cùng sinh ngày 13/9/2019 (hai trẻ sinh đôi), là con chung của ông Nguyễn T và bà Tô Quỳnh N.

Ông Nguyễn T và bà Tô Quỳnh N thống nhất bà Tô Quỳnh N là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 (hai) con chung, và ông Nguyễn T cấp dưỡng nuôi con chung 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng)/tháng, cụ thể mỗi trẻ 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/tháng cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận nêu trên của các đương sự.

Về tài sản chung:

Ông Nguyễn T và bà Tô Quỳnh N đều đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét về tài sản chung.

Về nợ chung:

Ông Nguyễn T và bà Tô Quỳnh N đều xác nhận không có nợ chung.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn T là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ông Nguyễn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn T còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyen T.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyen T và bà Tô Quỳnh N thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyen T và bà Tô Quỳnh N chấm dứt; Giấy chứng nhận kết hôn số 39, ngày 23/5/2019, do Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyen T và bà Tô Quỳnh N không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Nguyen T và bà Tô Quỳnh N, giao 02 (hai) con chung là trẻ Nguyễn Đăng K1 và trẻ Nguyễn Đăng K2, cùng sinh ngày 13/9/2019 (hai trẻ sinh đôi) cho bà Tô Quỳnh N là người trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyen T cấp dưỡng nuôi con chung 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng)/tháng, cụ thể mỗi trẻ 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/tháng cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Ông Nguyen T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Bà Tô Quỳnh N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con, nếu ông Nguyen T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan Quản lý Nhà Nước về Gia đình; Cơ quan Quản lý Nhà Nước về Trẻ em; Hội Liên hiệp Phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Ông Nguyen T và bà Tô Quỳnh N đều đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét về tài sản chung.

4. Về nợ chung:

Ông Nguyen T và bà Tô Quỳnh N đều xác nhận không có nợ chung.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyen T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông Nguyen T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032871 ngày 17/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyen T còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyen T vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với ông Nguyen T là 01 tháng, kể từ ngày ông Nguyen T hoặc người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyen T được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bà Tô Quỳnh N vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với bà Tô Quỳnh N là 15 ngày, kể từ ngày bà Tô Quỳnh N được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND huyện H, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mỹ Hạnh